

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **116** /GPMT-UBND

Quảng Trị, ngày **04**-tháng **5** năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần xử lý phế liệu rắn Miền Trung số 02/2026/CV-MT ngày 18/03/2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 492/TTr-SNNMT ngày 23/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần xử lý phế liệu rắn Miền Trung, địa chỉ tại số 220 đường Hùng Vương, xã Diên Sanh, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án: Nhà máy sản xuất dầu FO-R từ cao su phế thải tại Cụm công nghiệp Cam Tuyền, xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất dầu FO-R từ cao su phế thải.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Cam Tuyền, xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số 3200732510 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp 31/8/2022.

1.4. Mã số thuế: 3200732510.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Tái chế lốp xe cao su, nylon đã qua sử dụng để sản xuất dầu FO-R.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Diện tích sử dụng đất: 19.578 m² gồm:

+ Các hạng mục công trình chính: Nhà xưởng sản xuất: 1.350 m²; Nhà hành chính kết hợp ăn ca 388 m²; Kho chứa sản phẩm thép 450 m²; Kho chứa dầu 280m²; Kho chứa sản phẩm than 450 m².

+ Các hạng mục công trình phụ trợ: Khu trưng bày sản phẩm 1.600 m²; Khu vực chứa nguyên liệu có mái che: 1.350 m²; Bể nước làm mát và PCCC 250 m². Nhà đốt khí ga dư: 10 m²; Các công trình phụ trợ khác: 7.507 m².

+ Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Bể chứa than đen, xử lý nước thải 250 m²; Kho chứa chất thải nguy hại: 6,25 m²; Bể thu gom tách dầu 24 m²; Hệ thống xử lý nước thải: 16,94 m²; Hệ thống xử lý khí thải 81 m²; Nhà vệ sinh công nhân: 18,48 m²; Cây xanh: 5.646 m².

- Nhóm Dự án: B (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí về môi trường tương đương như Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Công suất:

+ Dầu đốt FO-R: 9.158 tấn sản phẩm/năm.

+ Than đen: 6.105 tấn sản phẩm/năm.

+ Thép phế liệu: 2.035 tấn sản phẩm/năm.

+ Khí Pyrogas (Khí Gas): 2.035 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này:

+ Sản phẩm dầu FO-R: (1) Nguyên liệu (Cao su phế thải, nilon) → (2) Xe gập chuyên dụng → (3) Lò phản ứng (lò nhiệt phân) → (4) Tách dầu → (5) Bồn ổn định → (6) Ngưng tụ → (7) Dầu FO-R.

+ Sản phẩm than đen: (3) Lò phản ứng → (8) Bể nước + Than → (9) Bể lọc than → (10) Than đen.

+ Thép phế liệu: (3) Lò phản ứng → (11) Dây thép → (12) Kho chứa.

+ Sản phẩm khí gas: (3) Lò phản ứng → (13) Khí gas → (14) Buồng đốt khí không ngưng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về Bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần xử lý phế liệu rắn Miền Trung có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

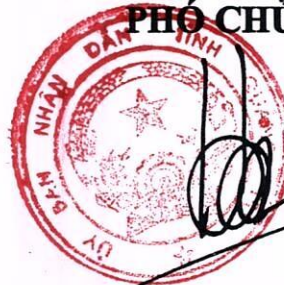
2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký ban hành Giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND xã Hiếu Giang tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, PCTTT UBND tỉnh Hoàng Nam;
- Các Sở: NN&MT, Công Thương;
- UBND xã Hiếu Giang;
- Công ty CP xử lý phế liệu rắn Miền Trung;
- PCVP UBND tỉnh Nguyễn Cửu;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT (Th). *fl*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Nam



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Dự án: Nhà máy sản xuất dầu FO-R từ cao su phế thải

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **116** /GPMT-UBND ngày **04** tháng **5** năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên tại nhà máy.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ quá trình thu hồi than đen. Nguồn này được tuần hoàn tái sử dụng để quay lại làm ẩm, thu hồi than đen, không thải ra môi trường.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh hệ thống xử lý khí thải. Nguồn nước thải này được tuần hoàn tái sử dụng cho quá trình làm ẩm, thu hồi than đen, không thải ra môi trường.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Dòng thải 1 (Nguồn số 01): Toàn bộ nước thải sau khi xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải (01 màng lọc MBR và 01 bể lắng) nằm tại phía Đông Nam khu vực Dự án sẽ theo ống nhựa HDPE D160 dài 20 m dẫn ra hố ga điểm đầu nối trên tuyến đường RD-04 sau đó đổ vào khe nước tự nhiên cách khu vực Dự án khoảng 30 m về phía Đông Nam.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí: Tại hố ga xả thải trên đường RD-04 của CCN Cam Tuyền nằm phía Đông Dự án thoát ra khe nước tự nhiên cách khu vực Dự án 30 m về phía Đông Nam, sau đó đổ vào sông Hiếu. Tọa độ vị trí: (X = 1.864.806 m, Y = 605.566 m).

(Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 106°00', múi chiều 3°)

Khi hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Cụm công nghiệp Cam Tuyền xây dựng hoàn thiện, Chủ dự án sẽ đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 5,04 m³/ngày.đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục trong ngày (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn cho phép trước khi xả thải theo QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, Bảng 2), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /ngày đêm	-	Không áp dụng	Không áp dụng
2	pH	-	5 - 9		
3	BOD ₅	mg/l	≤35		
4	COD	mg/l	≤90		
5	TSS	mg/l	≤ 60		
6	NH ₄ ⁺ tính theo N	mg/l	≤8,0		
7	Tổng Nitơ (T - N)	mg/l	≤30		
8	Tổng Photpho (T - P)	mg/l	≤6,0		
9	Tổng Coliform	MPN/100 ml	≤5.000		
10	Sunfua	mg/l	≤0,5		
11	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤15		
12	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 5,0		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

a. Đối với nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên sẽ được thu gom và xử lý bằng 01 bể tự hoại 5 ngăn tại khu vực nhà nghỉ của công nhân viên với thể tích 15 m³/ngày.đêm và hệ thống xử lý nước thải (gồm 01 màng lọc MBR và 01 bể lắng) nằm tại phía Đông Nam khu vực Dự án sẽ theo ống nhựa HDPE D160 dài 20 m dẫn ra hố ga điểm đầu nối trên tuyến đường RD-04 sau đó đổ vào khe nước tự nhiên cách khu vực Dự án khoảng 30 m về phía Đông Nam.

Khi hệ thống thu gom và xử lý nước thải của Cụm công nghiệp Cam Tuyền được xây dựng, hoàn thành, Chủ cơ sở sẽ đầu nối nước thải sinh hoạt vào hệ thống thu gom nước thải chung của cụm công nghiệp theo đúng quy định.

b. Nước thải sản xuất:

- Nước thải phát sinh từ quá trình thu hồi than đen được thu hồi đưa ra bể lắng, lọc 500m³ và tuần hoàn tái sử dụng để quay lại làm ẩm, thu hồi than đen, không thải ra môi trường.

- Nước thải phát sinh hệ thống xử lý khí thải được thu hồi qua hệ thống bể lắng 02 ngăn, tuần hoàn tái sử dụng để quay lại làm ẩm, thu hồi than đen, không thải ra môi trường.

c. Thu gom, thoát nước mưa:

- Xây dựng hệ thống công thoát nước mưa bao quanh khu vực Nhà máy, bao gồm: Kích thước dài 1000 x 0,5 x 0,8 m, bê tông M200. Trên mương thu gom xây dựng 30 hố ga, kích thước dài 1,2x1,2x1,2 m, vật liệu bê tông đá chẻ 1 x 2 cm, M400, hướng thoát nước Tây - Đông, độ dốc thoát nước $i = 1\%$. Điểm đầu nối thoát nước mưa trên đường RD-04 của CCN Cam Tuyền, sau đó thoát ra khe nước tự nhiên phía Đông Nam khu vực dự án.

- Đối với nước mưa chảy tràn qua sân, bãi đỗ xe, Chủ dự án thực hiện các giải pháp giảm thiểu tác động gồm: Bố trí công nhân thường xuyên quét dọn sân bãi; Phương tiện vận chuyển phải được kiểm tra và sửa chữa rò rỉ dầu mỡ và các chất lỏng khác từ xe. Việc kiểm tra bảo dưỡng xe được thực hiện tại các gara sửa chữa trên địa bàn, đảm bảo không phát sinh dầu mỡ rò rỉ tại khu vực Dự án.

- Đối với nước mưa chảy tràn qua khu vực bồn chứa dầu: Xây dựng mương rãnh thu gom và bể 3 ngăn để lắng lọc và tách dầu trước khi nhập vào mương thoát nước chung của Dự án.

- Nước mưa chảy tràn qua sân, bãi đỗ xe không nhiễm dầu mỡ, bụi... được thu gom vào công hộp thoát nước mưa của Nhà máy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

a. Nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt (Nước thải đen) → bể tự hoại 05 ngăn (Ngăn chứa → 02 Ngăn lắng → Ngăn lọc → Ngăn lắng) + Nước thải xám (qua hố lắng) → Màng lọc MBR → Ngăn lắng, khử trùng → Xả thải. Hệ thống xử lý gồm 01 bể tự hoại 5 ngăn tại khu vực nhà nghỉ của cán bộ nhân viên với thể tích 15 m³; 01 bể màng lọc MBR 3 m³ và 01 bể lắng, khử trùng 2,4m³ nằm tại phía Đông Nam khu vực Dự án. Nước thải sau khi xử lý theo ống nhựa HDPE D160 dẫn ra hố ga xả thải trên tuyến đường RD-04 của CCN Cam Tuyền nằm phía Đông Dự án sau đó thoát ra khe nước tự nhiên phía Đông Nam khu vực dự án, sau đó đổ về sông Hiếu.

- Công suất: 4 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm EM, Chlorine.

b. Nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải phát sinh từ quá trình thu hồi than đen: Nước thải → Ngăn chứa nước lọc thô → 2 ngăn lọc than → 2 ngăn chứa nước sau lọc → tuần hoàn tái sử dụng để quay lại làm ẩm, thu hồi than đen, không thải ra môi trường. Bể lọc than dung tích 500 m³, kích thước 50x 5 x 2 m, kết cấu BTCT.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: cát, sỏi.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải: Nước thải → Bể lắng → Bồn lọc có than hoạt tính → Ngăn chứa nước sau lọc → tuần hoàn tái sử dụng để quay lại làm ẩm, thu hồi than đen, không thải ra môi trường. Xây dựng 02 ngăn lắng, dung tích 3 m³, kích thước dài 2 m x rộng 1 m x sâu 1,5 m, kết cấu BTCT và bồn lọc than hoạt tính dung tích 0,2 m³, đường kính 0,4 m x cao 1,5 m.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính.

- Nước làm mát: Toàn bộ nước làm mát sẽ được thu gom vào 01 bể chứa dung tích 500 m³ sau đó bơm tuần hoàn tái sử dụng. Bể chứa kích thước 50 x 5 x 2 m, kết cấu BTCT.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động, liên tục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Trong vòng 03 tháng kể từ ngày xây dựng hoàn thiện đi vào vận hành thử nghiệm.

- Công suất dự kiến đạt được: 100% công suất.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý thải sinh hoạt.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí:

- 01 vị trí tại đầu vào của Hệ thống xử lý thải sinh hoạt (trước bể MBR).

- 01 vị trí tại điểm xả thải ra hệ thống thoát nước chung của CCN Cam Tuyền.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Quan trắc ít nhất 01 mẫu nước thải đầu vào và 01 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ các hoạt động của Dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả ra môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình, hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

- Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, phải dừng ngay hoạt động sản xuất, khẩn trương khắc phục hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải mới tiếp tục đi vào hoạt động trở lại theo đúng quy định.

- Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, an toàn trong quá trình hoạt động đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Trong quá trình hoạt động, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, Công ty Cổ phần xử lý phế liệu rắn Miền Trung phải tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; đồng thời, báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Hiếu Giang và các cơ quan, đơn vị liên quan để phối hợp giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường toàn bộ thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở trong quá trình vận hành đều được thu gom, xử lý, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành.

- Vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước mưa khu vực sân phơi đảm bảo; thực hiện thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn đối với các khu vực khác, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái khu vực; đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

- Công ty Cổ phần xử lý phế liệu rắn Miền Trung chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải ra môi trường chưa đáp ứng các quy định về xả thải theo đúng quy định của pháp luật; phải dừng ngay các hoạt động xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo đúng quy định.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI****Dự án: Nhà máy sản xuất dầu FO-R từ cao su phế thải***(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 116 /GPMT-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)***A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Khí thải từ lò đốt cấp nhiệt cho buồng nhiệt phân số 1.
- Nguồn số 02: Khí thải từ lò đốt cấp nhiệt cho buồng nhiệt phân số 2.
- Nguồn số 03: Khí thải từ lò đốt cấp nhiệt cho buồng nhiệt phân số 3.
- Nguồn số 04: Khí thải từ lò đốt cấp nhiệt cho buồng nhiệt phân số 4.
- Nguồn số 05: Khí thải từ lò đốt cấp nhiệt cho buồng nhiệt phân số 5.
- Nguồn số 06: Khí thải từ lò đốt cấp nhiệt cho buồng nhiệt phân số 6.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**2.1. Dòng khí thải:**

- Dòng thải số 1 (Nguồn số 01): Bụi, khí thải sau khi xử lý thoát ra ống khói cao 16 m thoát ra môi trường.
- Dòng thải số 2 (Nguồn số 02): Bụi, khí thải sau khi xử lý thoát ra ống khói cao 16 m thoát ra môi trường.
- Dòng thải số 3 (Nguồn số 03): Bụi, khí thải sau khi xử lý thoát ra ống khói cao 16 m thoát ra môi trường.
- Dòng thải số 4 (Nguồn số 04): Bụi, khí thải sau khi xử lý thoát ra ống khói cao 16 m thoát ra môi trường.
- Dòng thải số 5 (Nguồn số 05): Bụi, khí thải sau khi xử lý thoát ra ống khói cao 16 m thoát ra môi trường.
- Dòng thải số 6 (Nguồn số 06): Bụi, khí thải sau khi xử lý thoát ra ống khói cao 16 m thoát ra môi trường.

2.2. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả khí thải: Cụm công nghiệp Cam Tuyền, xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị.
- Tọa độ xả khí thải:
 - + Tại ống thoát khí cao 16 m của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò đốt số 1 (tọa độ: X: 1.864.904,592 m, Y: 605.446,231 m).
 - + Tại ống thoát khí cao 16 m của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò đốt số 2 (tọa độ: X: 1.864.903,090 m, Y: 605.445,509 m).

+ Tại ống thoát khí cao 16 m của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò đốt số 3 (tọa độ: X: 1.864.890,397 m, Y: 605.440,678 m).

+ Tại ống thoát khí cao 16 m của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò đốt số 4 (tọa độ: X: 1.864.889,375 m, Y: 605.439,988 m).

+ Tại ống thoát khí cao 16 m của hệ thống xử lý bụi khí thải lò đốt số 5 (tọa độ: X: 1.864.876,247 m, Y: 605.434,835 m).

+ Tại ống thoát khí cao 16 m của hệ thống xử lý bụi bụi khí thải lò đốt số 6 (tọa độ: X: 1.864.875,369 m, Y: 605.433,968 m).

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}00'$, múi chiều 3°)

3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng thải số 1: 10.000 m³/h.

- Dòng thải số 2: 10.000 m³/h.

- Dòng thải số 3: 10.000 m³/h.

- Dòng thải số 4: 10.000 m³/h.

- Dòng thải số 5: 10.000 m³/h.

- Dòng thải số 6: 10.000 m³/h.

4. Phương thức xả khí thải: Xả cưỡng bức, xả liên tục trong ca sản xuất.

5. Chất lượng khí thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột C tại Bảng 1 và 2), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	6 tháng/lần	Không áp dụng
2	Nhiệt độ	°C	-		
3	Độ khói	Ringelmann	≤ 2		
4	Bụi	mg/Nm ³	≤ 45		
5	SO ₂	mg/Nm ³	≤ 250		
6	NO _x	mg/Nm ³	≤ 300		
7	CO	mg/Nm ³	≤ 350		
8	H ₂ S	mg/Nm ³	≤ 5		
9	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC)	mg/Nm ³	≤ 50		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đốt lò nhiệt phân cao su được thu gom thông qua quạt hút, hệ thống ống dẫn khí và xử lý bể lọc ướt tháp hấp thụ. Tại mỗi lò đốt bố trí 01 một bể lọc ướt tháp hấp thụ, nhà máy có 06 lò sẽ có 06 bể lọc ướt tháp hấp thụ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

** Giảm thiểu bụi, khí thải từ lò đốt nhiệt phân:*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải từ lò đốt phát sinh → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Quạt hút → Ống khói cao 16m xả thải ra môi trường tiếp nhận.
- Tổng công suất thiết kế: 60.000 m³/h, 06 hệ thống có công suất 10.000 m³/h.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH (hoặc các hóa chất tương đương không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải theo quy định tại Điều 111 Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Điều 98, Phụ lục XXIX, số thứ tự 4, cột 6 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và vệ sinh bên trong lò nhiệt phân, vệ sinh dưới lò nhiệt phân, vệ sinh đường ống thoát khói trong trường hợp bị tắc đường dẫn khói phải ngừng lò làm vệ sinh.
- Theo dõi và điều chỉnh tỷ lệ nhiên liệu đốt phù hợp.
- Kiểm tra định kỳ toàn bộ hệ thống lò nhiệt phân 01 tháng/lần. Đặc biệt chú ý các loại van, áp kế và ống khói xem có hiện tượng rò rỉ, tích tụ tro ở cuối lò, hư hỏng các lớp vữa chịu nhiệt, nếu có hiện tượng hư hỏng cần khắc phục hoặc thay thế kịp thời trước khi đưa vào vận hành.
- Công nhân vận hành lò được tham gia lớp huấn luyện và đào tạo về quy trình vận hành.
- Khi xảy ra sự cố lò nhiệt phân cần thực hiện các bước như: Ngừng cung cấp nhiên liệu và không khí vào lò; Nhanh chóng đưa nguyên liệu đang cháy ra khỏi buồng đốt; Sau khi chấm dứt sự cháy thì đóng hết các cửa van và lá chắn khói lại, để máy nguội từ từ dưới sự giám sát của người vận hành và đặc biệt tuyệt đối nghiêm cấm việc dùng nước để dập lửa trong lò.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

- Giai đoạn vận hành thử nghiệm được thực hiện dự kiến trong khoảng thời gian 03 tháng, bắt đầu từ khi hệ thống xử lý xây dựng hoàn thiện đi vào vận hành.
- Công suất dự kiến đạt được: 100% công suất.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

06 Hệ thống xử lý khí thải lò đốt cung cấp nhiệt cho 06 buồng nhiệt phân.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 06 vị trí

Đầu ra của hệ thống xử lý khí thải buồng đốt cấp nhiệt cho lò nhiệt phân 1, 2, 3, 4, 5, 6.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất quan trắc

Quan trắc khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý khí thải ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức, nếu có một trong những thông số xả khí thải vượt QCVN về khí thải, nhà máy thực hiện các biện pháp giảm thiểu bổ sung để xử lý khí thải lò sấy đảm bảo quy chuẩn xả thải trước khi thải ra môi trường. Đồng thời, quan trắc môi trường bổ sung để đánh giá mức độ phát tán mùi hôi ra môi trường xung quanh.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất (nếu có) để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

C. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC, GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

- Số lượng quan trắc: 06 vị trí

- Vị trí quan trắc:

+ 01 vị trí tại ống khói từ lò đốt số 01

+ 01 vị trí tại ống khói từ lò đốt số 02

+ 01 vị trí tại ống khói từ lò đốt số 03

+ 01 vị trí tại ống khói từ lò đốt số 04

+ 01 vị trí tại ống khói từ lò đốt số 05

+ 01 vị trí tại ống khói từ lò đốt số 06

- Thông số quan trắc và quy chuẩn áp dụng: Theo quy định tại Mục A Phụ lục này.

- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án: Nhà máy sản xuất dầu FO-R từ cao su phế thải

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **116** /GPMT-UBND ngày **04** tháng **5** năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Phát sinh từ Nhà xưởng sản xuất dầu.
- Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động vận tải, bốc xếp nguyên, nhiên liệu, sản phẩm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh: Nhà máy sản xuất dầu FO-R từ cao su phế thải tại Lô CN 1, Cụm công nghiệp Cam Tuyền, xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị.

- Tọa độ vị trí phát sinh:

+ Nguồn số 01: Phát sinh từ nhà xưởng sản xuất. Tọa độ X: 1.864.879 m, Y: 605.440 m.

+ Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động vận tải, bốc xếp nguyên liệu, sản phẩm. Tọa độ X: 1.864.840 m, Y: 605.548 m.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106°00', múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

Tiếng ồn, độ rung Khu vực xung quanh Dự án phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Cụ thể như sau:

- Từ thời điểm cấp phép đến hết ngày 31/12/2026, tiếng ồn, độ rung sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu đạt QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn. Mức độ giới hạn cho phép như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Quy chuẩn áp dụng	Tần suất quan trắc
1	Độ ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT	Không áp dụng
2	Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT	

- Từ ngày 01/01/2027 trở đi, tiếng ồn, độ rung sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu đạt quy chuẩn môi trường sau:

+ Tiếng ồn đạt QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung (Khu vực E), mức độ giới hạn cho phép như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Từ 6 giờ đến 18 giờ	Từ 18 giờ đến 22 giờ	Từ 22 giờ đến trước 6 giờ	Tần suất quan trắc
1	Độ ồn	dBA	70	65	60	Không áp dụng

+ Độ rung đạt QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung (Khu vực D), mức độ giới hạn cho phép như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Từ 6 giờ đến 22 giờ	Từ 22 giờ đến trước 6 giờ	Tần suất quan trắc
2	Độ rung	dB	75	70	Không áp dụng

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Khu vực nhà xưởng được xây dựng đảm bảo khoảng cách an toàn với văn phòng làm việc và khu dân cư. Đối với khu vực phát sinh độ ồn cao sẽ được đổ bê tông đáy và xây tường bao xung quanh.

- Lựa chọn các thiết bị máy móc có độ ồn thấp, không sử dụng các máy móc quá cũ, lạc hậu.

- Đảm bảo tỷ lệ trồng cây xanh tại Nhà máy chiếm 20% tổng diện tích Nhà máy trở lên, diện tích trồng cây xanh 5.687 m².

- Trong quá trình sử dụng sẽ thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động...) để máy móc hoạt động với tình trạng tốt nhất.

- Vận hành sản xuất đúng thời gian quy định, bố trí thời gian làm việc hợp lý cho các công nhân làm việc trong các khu vực có tiếng ồn cao và có chế độ khám sức khỏe định kỳ, nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và các phương tiện chống ồn cho công nhân.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và các phương tiện chống ồn cho công nhân.

- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực Công ty.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

2.2. Chịu trách nhiệm chính trong quản lý các nguồn tiếng ồn, độ rung trong phạm vi Nhà máy.

2.3. Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động của Cơ sở đảm bảo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và QCVN 26:2025/BNNMT, QCVN 27:2025/BNNMT.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Dự án: Nhà máy sản xuất dầu FO-R từ cao su phế thải

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **MB** /GPMT-UBND ngày **04** tháng **5** năm
 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã số CTNH	Khối lượng phát sinh dự kiến
01	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	16 01 13	20 lít/năm
02	Giẻ lau chùi có dính dầu, mỡ	Rắn	15 02 02	04 kg/năm
03	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	20 01 21	02 kg/năm
04	Cặn lắng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	10 06 03	0,1 kg/tháng
05	Than hoạt tính từ bể lọc	Rắn	15 02 02	30 kg/năm
06	Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	Lỏng	13 05 02	20 lít/năm

Tổng khối lượng: Chất thải nguy hại ước tính phát sinh khoảng: Lỏng 40 lít/năm ; Rắn 36 kg/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Tro từ lò đốt	Rắn	-	225
2	Giấy và bao bì carton thải bỏ	Rắn	18 01 05	0,3
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và khí thải	Bùn	09 03 06	4
4	Chất thải rắn phát sinh từ công đoạn vệ sinh nhà xưởng, máy móc thiết bị định kỳ	Rắn	-	6

- Lượng phát sinh chất thải rắn sản xuất của Dự án khoảng 235,3 kg/ngày.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Khối lượng: Tối đa khoảng 21 kg/ngày.
- Chủng loại: Chủ yếu là thực phẩm (vỏ rau, củ quả...), thức ăn dư thừa, túi nilon, chai lọ, giấy lau.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh sẽ được thu gom và lưu giữ theo đúng quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Nhà máy sẽ bố trí 02 thùng 60L có nhãn dán chất thải nguy hại, để lưu giữ tạm thời từng loại chất thải nguy hại phát sinh tại Nhà máy.

- Chất thải nguy hại sẽ xây dựng kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 6 m² bố trí tại khu vực nhà xưởng sản xuất nằm phía Tây Bắc khu vực Dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Trong quá trình sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị dầu mỡ sẽ được thu gom đưa về kho chất thải nguy hại, tránh thất thoát ra môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

+ Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.

+ Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn hoạt động là 21 kg/ngày. Chủ dự án sẽ bố trí 03 thùng rác loại 60 L tại khu vực nhà văn phòng điều và 03 thùng 60 L tại khu vực nhà nghỉ công nhân để thu gom lượng rác thải phát sinh.

+ Đưa ra các quy định yêu cầu công nhân thu gom, sắp xếp gọn gàng chất thải rắn tập kết tại các thùng rác.

+ Đối với các loại chất thải có khả năng tái chế như vỏ chai, lọ; giấy vụn, bìa carton... sẽ được thu gom bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

+ Hợp đồng với đơn vị thu gom chất thải rắn sinh hoạt của địa phương để đưa đi xử lý theo đúng quy định.

- Đối với chất thải công nghiệp thông thường:

+ Chất thải là tro phát sinh từ công đoạn đốt lò sẽ được chủ dự án định kỳ hàng ngày cho công nhân thu gom với bao bì hư hỏng và Hợp đồng với đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý.

+ Chất thải có khả năng tái chế như bìa carton, giấy vụn,... sẽ thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

+ Bố trí công nhân định kỳ 6 tháng/lần nạo vét vệ sinh cống rãnh xung quanh nhà máy.

+ Đối với bùn từ hệ thống xử lý nước thải đây là loại chất thải có thể chứa các thành phần nguy hại, Nhà máy thực hiện phân định thành phần nguy hại, nếu có thành phần nguy hại vượt ngưỡng quy định thì sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT hoặc nếu dưới ngưỡng quy định thì hợp đồng với Đơn vị có chức năng đưa đi xử lý như chất thải rắn công nghiệp thông thường.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa sự cố về cháy nổ

- Trước khi thi công sẽ thiết kế hoàn chỉnh hệ thống phòng cháy chữa cháy, phương án phòng cháy chữa cháy trình cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt theo quy định. Thực hiện xây dựng, trang bị máy móc thiết bị theo đúng phương án phòng cháy chữa cháy đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt.

- Thực hiện các biện pháp, giải pháp kỹ thuật để khống chế và kiểm soát chặt chẽ nguồn lửa, nguồn nhiệt, nguồn sinh lửa, sinh nhiệt.

- Xây dựng hệ thống chữa cháy, báo cháy, hệ thống bình cứu nhanh trong Nhà làm việc.

- Trang bị hệ thống phòng cháy nổ theo đúng quy định phòng cháy, chữa cháy cho nhà cửa và các công trình.

- Khi nghỉ làm việc phải tắt các nguồn điện, nguồn nhiệt đồng thời kiểm tra các yếu tố khác có thể phát sinh nguồn nhiệt.

- Lắp đặt thiết bị bảo vệ (Aptomat) cho hệ thống điện toàn Nhà máy, từng khu vực, phân xưởng và các thiết bị điện có công suất lớn, tách riêng các nguồn điện: chiếu sáng, phục vụ thoát nạn, chữa cháy,... Nghiêm cấm các hành vi tự ý: câu mắc, dùng dây dẫn điện cắm trực tiếp vào ổ điện, sử dụng điện tùy tiện mất an toàn.

- Mỗi bộ phận, ca làm việc có tổ hoặc có người tham gia đội PCCC; bố trí lực lượng thường trực chữa cháy 24/24 giờ, đảm bảo điều kiện chữa cháy tại chỗ.

- Tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC cho cán bộ quản lý, công nhân làm việc tại nhà máy.

- Xây dựng tường bao quanh khu vực nhà máy. Tường xây bằng gạch không nung cao 2,2 m để hạn chế ảnh hưởng khi có cháy rừng xảy ra.

- Dự án cam kết tuân thủ các quy định pháp luật về lâm nghiệp, công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng đối với khu vực rừng liền kề.

2. An toàn lao động

- Tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên của Nhà máy. Khi xảy ra tai nạn lao động, công nhân viên đã được tập huấn cần phải sơ cứu kịp thời cho nạn nhân sau đó liên lạc với bộ phận y tế để chuyển tới bệnh viện cấp cứu.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động phù hợp với từng nhiệm vụ.

- Thường xuyên và định kỳ khám sức khỏe cho công nhân ít nhất là 01 lần/năm.

3. Phòng ngừa sự cố lò nhiệt phân

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng và vệ sinh bên trong lò nhiệt phân và vệ sinh lò, vệ sinh đường thoát khói trong trường hợp bị tắc đường dẫn khói phải ngừng lò và làm vệ sinh.

- Theo dõi và điều chỉnh tỷ lệ nhiên liệu đốt cho phù hợp.

- Khi lò nhiệt phân vận hành 1 tháng sẽ tiến hành kiểm tra lại toàn bộ lò 1 lần. Đặc biệt chú ý các loại van, áp kế và ống khói xem có hiện tượng rò rỉ, tích tụ tro ở cuối lò, hư hỏng các lớp vữa chịu nhiệt, nếu có hiện tượng hư hỏng cần khắc phục hoặc thay thế kịp thời trước khi đưa vào vận hành.

- Công nhân vận hành lò sẽ được tham gia lớp huấn luyện và đào tạo về quy trình vận hành.

- Lập quy trình vận hành và quy định an toàn đối với lò sấy, trong đó sẽ ghi rõ:

+ Kiểm tra chế độ an toàn thiết bị trước khi vận hành.

+ Bàn giao sổ rõ ràng từng ca một, ghi rõ diễn biến trong quá trình vận hành, nếu có sự cố phải ghi cụ thể tình trạng và biện pháp đã xử lý, trước khi bàn giao ghi ý kiến đề xuất (nếu có).

+ Trong quá trình đốt phải luôn luôn kiểm tra các đồng hồ đo nhiệt độ, đảm bảo cung cấp đủ nhiệt cho quá trình sấy.

+ Nếu có sự cố mà không tự xử lý được người trực phải báo cáo cho người phụ trách hoặc ban giám đốc biết để kịp thời giải quyết.

+ Lưu ý trong khu vực lò nhiệt phân cũng như nhà máy tuyệt đối không được hút thuốc, uống bia rượu hoặc dùng các chất kích thích khác, không làm việc riêng, sử dụng hoặc làm việc với những dụng cụ gây ra cháy nổ, không được phép cho người lạ vào lò và tiếp khách trong khu vực lò sấy.

- Khi xảy ra sự cố lò nhiệt phân cần thực hiện các bước như: Ngừng cung cấp nhiên liệu và không khí vào lò; Nhanh chóng đưa than đang cháy ra khỏi buồng đốt; Sau khi chấm dứt sự cháy thì đóng hết các cửa van và lá chắn khói lại, để lò nguội từ từ dưới sự giám sát của người vận hành và đặc biệt tuyệt đối nghiêm cấm việc dùng nước để dập lửa trong lò sấy.

4. Phòng ngừa sự cố tràn dầu

- Thường xuyên kiểm tra chất lượng dầu, đảm bảo lưu lượng dầu và tốc độ dòng chảy hợp lý.

- Kiểm soát nhiệt độ bồn giãn nở, trang bị nguồn điện dự phòng

- Trang bị máy phát điện dự phòng cho lò dầu truyền nhiệt để đảm bảo duy trì dòng chảy của dầu khi có sự cố cúp điện đột ngột, tránh dầu bị cháy hoặc tràn.

- Nhân viên được trang bị bảo hộ lao động.

- Tổ chức huấn luyện, đào tạo nhân viên về cách xử lý khi có sự cố tràn dầu, cháy dầu và quy trình lấy mẫu dầu an toàn.

- Xây dựng phương án ứng phó sự cố tràn dầu theo đúng quy định.

C. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC, GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện Chương trình quan trắc theo Phụ lục 2.

2. Giám sát chất thải rắn

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần.

- Vị trí quan trắc: Tại kho chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG****Dự án: Nhà máy sản xuất dầu FO-R từ cao su phế thải***(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 116 /GPMT-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)***A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, 07/2025/TT-BTNMT, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026. Kho lưu giữ chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, 07/2025/TT-BTNMT, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định (trừ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu TT-R theo quy định).

2. Thường xuyên thực hiện vệ sinh công nghiệp trong toàn bộ khuôn viên nhà máy trong suốt quá trình hoạt động.

3. Áp dụng, chương trình quan trắc môi trường cũng như các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường hiện hành.

4. Tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy...

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Đối với các nguồn khí thải không phải kiểm soát, cụ thể:

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng (nếu có) do sử dụng nhiên liệu là dầu DO, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải. Tuy nhiên, phải đảm bảo chỉ sử dụng dầu DO đạt tiêu chuẩn theo quy định về chất lượng sản phẩm hàng hóa trong mọi trường hợp.

- Khí thải từ các quạt thông gió, các máy điều hòa tại nhà văn phòng, nhà điều hành do có cùng tính chất, chất lượng không khí tại các khu vực lắp đặt. Do vậy, phải đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

7. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

(Thông số kỹ thuật của các công trình bảo vệ môi trường nêu tại Phụ lục 1, 2, 3 và 4 của Giấy phép này, căn cứ vào hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường do Chủ Cơ sở cung cấp; Chủ Cơ sở tự chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác của các thông số này)./.